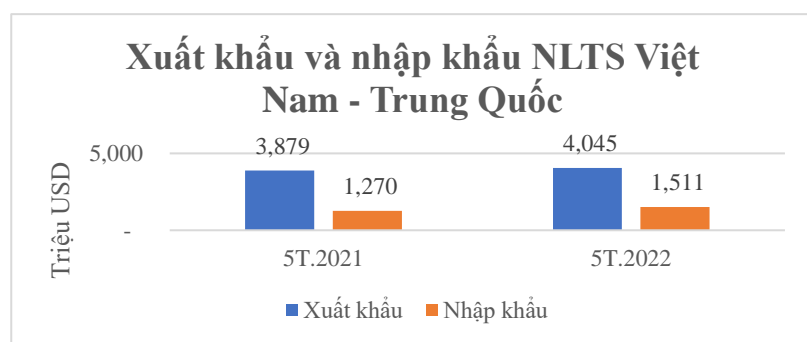


BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường TRUNG QUỐC

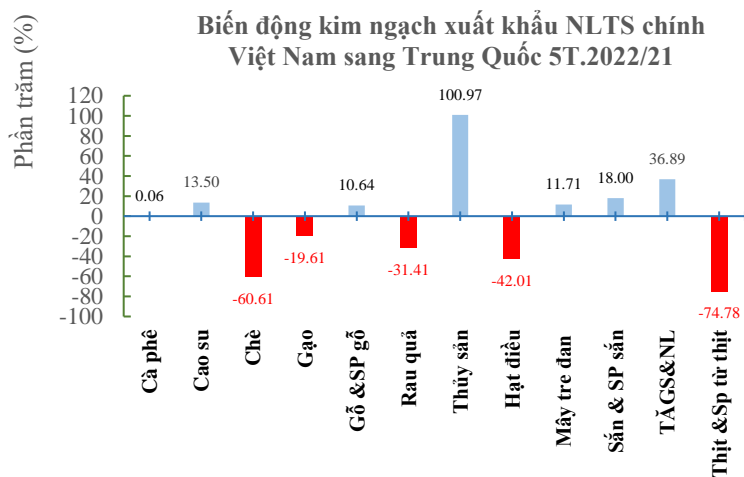


TÌNH HÌNH CHUNG



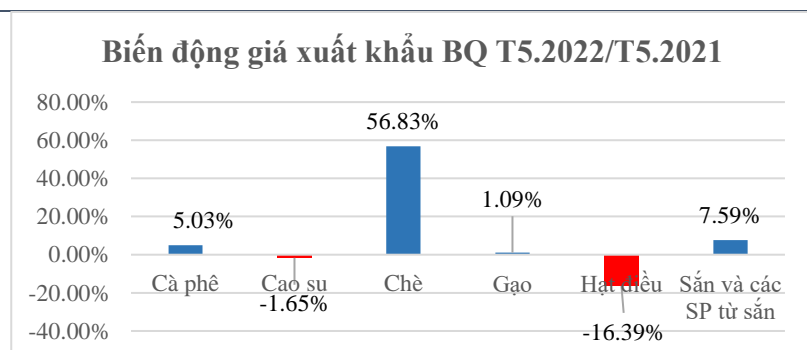
So sánh xuất nhập khẩu NLTS chính Việt Nam - Trung Quốc (5T- 2022/2021)

- Xuất khẩu ▲ 04,29%
- Nhập khẩu ▲ 18,94%



So sánh 5T-2022/2021

- Cà phê ▲ 00,06 %
- Cao su ▲ 13,50 %
- Chè ▼ 60,61 %
- Gạo ▼ 19,61 %
- Gỗ và SP gỗ ▲ 10,64 %
- Rau quả ▼ 31,41 %
- Thủy sản ▲ 100,97 %
- Hạt điều ▼ 42,01 %
- Mây tre đan ▲ 11,71 %
- Sắn và SP sắn ▲ 18,00 %
- TĂGS và NL ▲ 36,89 %
- Thịt & SP từ thịt ▼ 74,78 %



So sánh giá xuất khẩu tháng 5.2022/2021

- Cà phê ▲ 05,03%
- Cao su ▼ 01,65%
- Chè ▲ 56,83%
- Gạo ▲ 01,09%
- Hạt điều ▼ 16,39%
- Sắn & SP sắn ▲ 07,59%

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Xuất khẩu nông lâm thủy sản (NLTS) chính của Việt Nam sang Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm 2022 đạt 4,05 tỷ USD, tăng 4,29% so với cùng kỳ năm 2021; kim ngạch nhập khẩu NLTS từ Trung Quốc đạt 1,51 tỷ USD, tăng 18,94%. Tính riêng tháng 5/2022, kim ngạch xuất khẩu NLTS chính đạt 868,08 triệu USD, giảm 4,69% so với tháng trước và tăng 9,0% so với cùng kỳ năm 2021.

Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 5 là gỗ và sản phẩm gỗ (chiếm 24,0%), thủy sản (chiếm 19,7%), cao su (chiếm 14,4%), sắn và sản phẩm sắn (chiếm 12,1%), rau quả (chiếm 11,6%), hạt điều (chiếm 6,7%); gạo (chiếm 5,5%). So với tháng 4/2022, xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng cao là: chè (tăng 195,6%), cao su (tăng 57,7%), hạt điều (tăng 46,9%), sắn và sản phẩm sắn (tăng 14,8%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 11,9%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là rau quả (giảm 41,7%), cà phê (giảm 40,2%), gạo (giảm 25,5%), thủy sản (giảm 18,6%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (giảm 16,6%). So với cùng kỳ, xuất khẩu một số mặt hàng NLTS tăng cao là: thủy sản (tăng 78,6%), cao su (tăng 44,5%), gỗ và sản phẩm gỗ (tăng 39,4%), sắn và sản phẩm sắn (tăng 35,1%), chè (tăng 15,0%), cà phê (tăng 7,0%); trong khi đó một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm là rau quả (giảm 46,3%), thức ăn gia súc và nguyên liệu (giảm 31,7%), gạo (giảm 18,5%), hạt điều (giảm 18,3%). *(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).*

Theo Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, tính đến 20h00 ngày 04.07.2022, tổng số phương tiện chờ hàng hóa xuất khẩu còn tồn trên địa bàn tỉnh là 713 xe, trong đó xe chờ hoa quả là 547 xe hoa quả và 166 xe hàng khác. Cụ thể: (i) tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị, còn tồn 283 xe (143 xe tại khu trung chuyển và 140 xe tại cửa khẩu Hữu Nghị), trong đó có 231 xe hoa quả, tất cả đều được chở bằng container lạnh; (ii) tại cửa khẩu phụ Tân Thanh còn tồn 430 xe (tại bãi Bảo Nguyên 346 xe, khu phi thuế quan 85 xe), trong đó có 316 xe hoa quả (01 xe chở bằng xe nóng, 315 xe chở bằng container lạnh); (iii) tại cửa khẩu chính Chi Ma không còn phương tiện tồn.

Ngày 27/6/2022, các lực lượng quản lý biên giới phía Trung Quốc đã thí điểm nhập khẩu các loại nông sản của Việt Nam qua Cửa khẩu Quốc tế đường bộ số II Kim Thành (Lào Cai) với 3 mặt hàng thanh long, vải thiều và xoài sau hơn 4 tháng tạm dừng thông quan (từ ngày 17/2/2022). Đến ngày 4/7, phía Hà Khẩu (Trung Quốc) thông báo tạm dừng toàn bộ hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa qua cửa khẩu quốc tế đường bộ số II Kim Thành do phía Trung Quốc phát hiện trên hàng hóa của Việt Nam nhập cảnh vào Trung Quốc và lái xe Trung Quốc có kết quả xét nghiệm dương

tính với virus SARS-CoV-2, thời gian thực hiện trong ngày 04/7 cho đến khi có thông báo mới của phía Trung Quốc. Tuy nhiên, từ 19h tối ngày 5/7, hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu quốc tế đường bộ số II Kim Thành (Lào Cai) được nối lại.

Theo Tổng cục Thống kê quốc gia (NBS) Trung Quốc, sản lượng công nghiệp trong tháng 5 của nước này tăng 0,7% so với cùng kỳ năm trước, sau khi giảm 2,9% trong tháng 4. Theo giới phân tích, sản lượng công nghiệp phục hồi là nhờ việc nới lỏng các hạn chế được áp dụng để ngăn chặn dịch bệnh Covid-19 và nhờ nhu cầu toàn cầu tăng mạnh mẽ. Lĩnh vực khai khoáng đứng đầu về sản lượng công nghiệp trong tháng 5, với mức tăng 7% so với cùng kỳ năm 2021, trong khi lĩnh vực chế tạo chỉ tăng 0,1%, chủ yếu nhờ sản xuất xe năng lượng mới tăng tới 108,3%.

Trong khi đó, doanh thu bán lẻ hàng tiêu dùng của Trung Quốc trong 5 tháng đầu năm 2022 chỉ đạt 17.170 tỷ nhân dân tệ (khoảng 2.540 tỷ USD), giảm 1,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Riêng trong tháng 5, doanh thu bán lẻ giảm 6,7% so với cùng kỳ năm 2021.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trong tháng 5 giảm 0,2% so với mức tăng 0,4% của tháng trước. Về thực phẩm, với số lượng lớn rau trên thị trường, công tác hậu cần dần được thông suốt, giá rau tươi giảm 15,0%; công tác thu mua, tích trữ thịt lợn dự trữ tiếp tục được triển khai dẫn đến giảm sản lượng, giá thịt lợn hơi tăng 5,2%. Giá bột mì, sản phẩm ngũ cốc và dầu ăn trong nước lần lượt tăng 0,8%; 0,8% và 0,7%. Đối với các mặt hàng phi thực phẩm, sự biến động của giá dầu quốc tế đã ảnh hưởng đến giá xăng và dầu diesel trong nước, đều tăng ở mức 0,6%.

Trong tháng 5, chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) là 49,6%, tăng 2,2 điểm phần trăm so với tháng trước và mức độ phát triển chung của ngành sản xuất đã được cải thiện. Xét theo quy mô doanh nghiệp, chỉ số PMI của các doanh nghiệp lớn là 51,0%, tăng 2,9 điểm phần trăm so với tháng trước; PMI của các doanh nghiệp vừa và nhỏ là 49,4% và 46,7%, tăng 1,9 và 1,1 điểm phần trăm so với tháng trước.

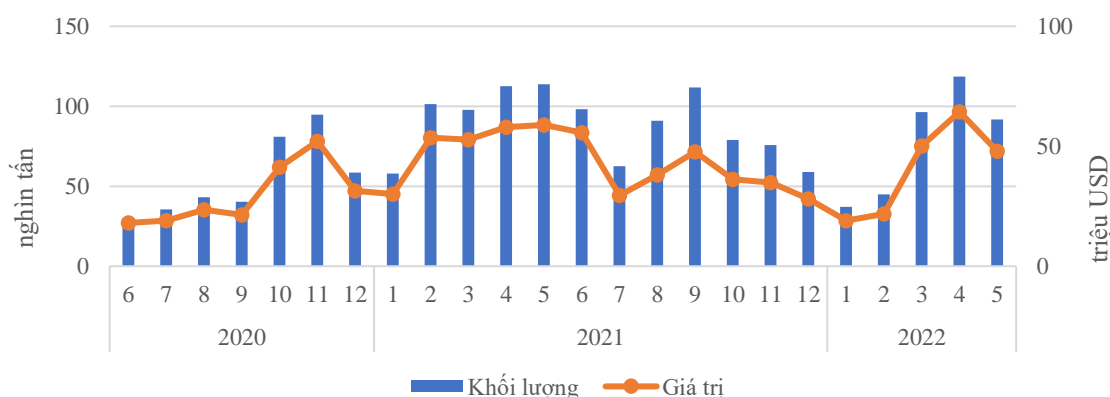
Theo người phát ngôn Tổng cục Thống kê Trung Quốc, tình hình phòng chống dịch bệnh nhìn chung được cải thiện, trật tự sản xuất và đời sống từng bước được khôi phục, nhu cầu thị trường đang dần được cải thiện do chính sách bình ổn đầu tư và đẩy mạnh tiêu thụ. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa trong tháng 5 tăng 9,6% so với cùng kỳ năm ngoái và tăng 9,5 điểm phần trăm so với tháng trước. Trong đó, xuất khẩu tăng 15,3%. Tỷ lệ thất nghiệp trong tháng 5 ở khu vực thành thị trên toàn quốc là 5,9%, giảm 0,2 điểm phần trăm so với tháng trước. Trong đó, tỷ lệ thất nghiệp của người di cư có hộ khẩu nông nghiệp là 6,2%, giảm 0,4 điểm phần trăm so với tháng trước.

CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2022, Việt Nam xuất khẩu được 91,7 nghìn tấn gạo, trị giá 48,0 triệu USD sang Trung Quốc giảm 22,6% về khối lượng và 25,5% về giá trị so với tháng trước, và giảm 19,4% về khối lượng và 18,5% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường này trong 5 tháng đầu năm 2022 đạt 388,6 nghìn tấn, trị giá 203,3 triệu USD, giảm 19,5% về khối lượng và 19,6% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

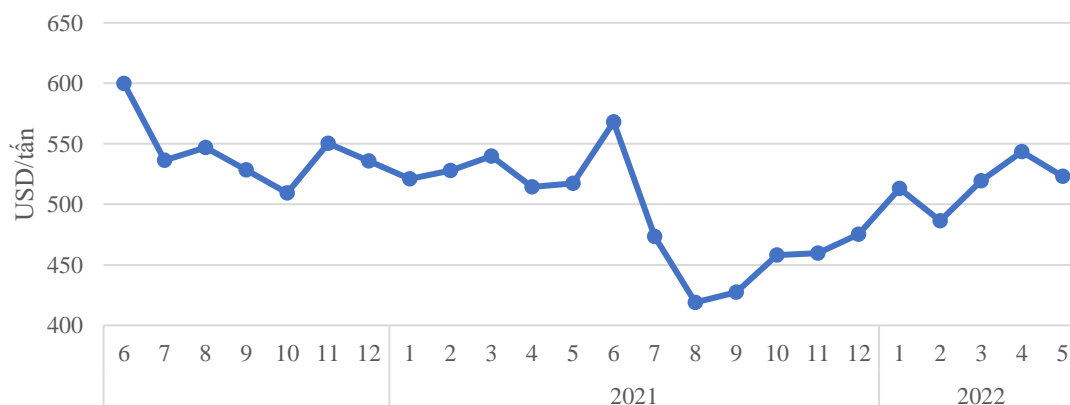
Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 5/2022 đạt 523,1 USD/tấn, giảm 3,8% so với tháng trước, nhưng tăng 1,1% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

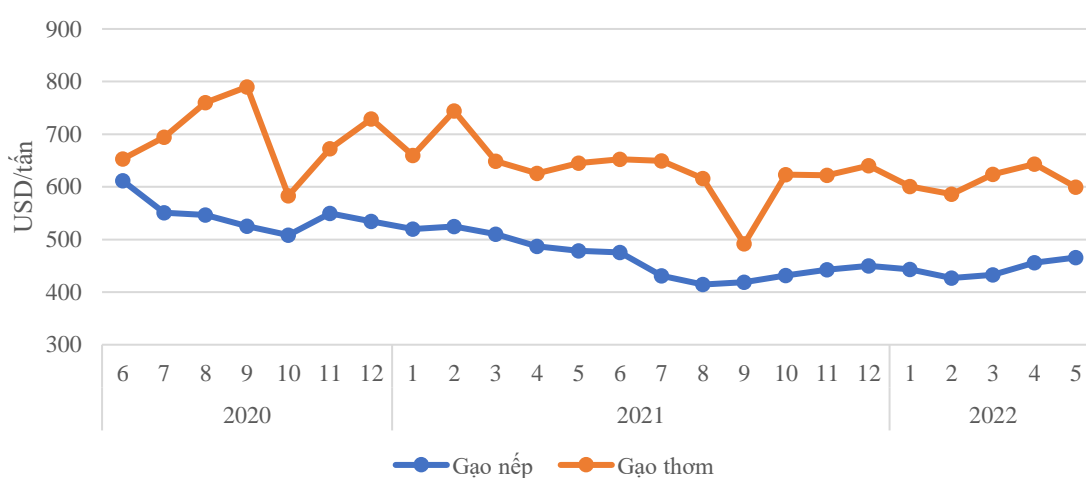


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 5/2022, gạo thơm là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam sang Trung Quốc (về giá trị) với kim ngạch 39,7 nghìn tấn và 23,4 triệu USD (chiếm 43,4% về khối lượng và 48,8% về giá trị); so với cùng kỳ năm ngoái, xuất khẩu gạo thơm đã tăng lên 99,0% về khối lượng và 80,2% về giá trị. Tiếp đến là gạo nếp với 47,6 nghìn tấn với trị giá 22,1 triệu USD (chiếm 51,9% về khối lượng và 46,1% về giá trị), giảm 43,2% về khối lượng và 44,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

Giá xuất khẩu gạo thơm là 599,3 USD/tấn, giảm 6,9% so với tháng trước và 7,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo nếp đạt 465,7 USD/tấn, tăng 2,1% so với tháng trước nhưng giảm 2,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo nếp và gạo thơm sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

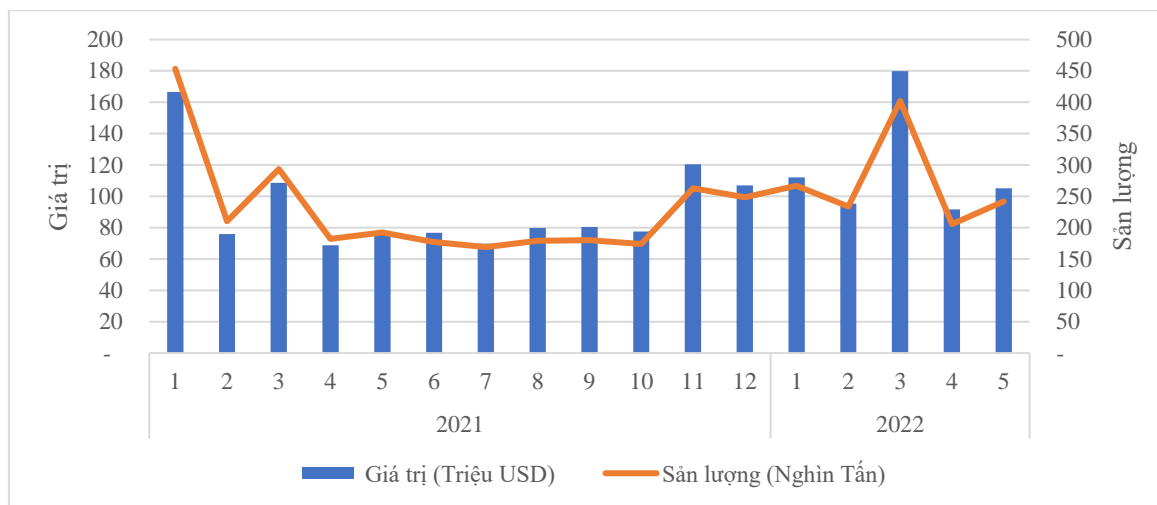
2. SẢN VÀ SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Trung tâm Nghiên cứu Công nghệ nông nghiệp ngành sản Trung Quốc phân tích từ số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 5 tháng đầu năm 2022, khối lượng nhập khẩu tinh bột sản của Trung Quốc đạt 2,03 triệu tấn, trị giá 1,06 tỷ USD, lần lượt tăng 31,34% và 46,16% so với cùng kỳ năm ngoái. Nguồn nhập khẩu chủ yếu là Thái Lan và Việt Nam, khối lượng tinh bột sản nhập khẩu từ Thái Lan và Việt Nam lần lượt chiếm 55,75% và 36,75% tổng lượng tinh bột sản nhập khẩu của Trung Quốc.

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2022, Việt Nam xuất khẩu được 241,7 nghìn tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 105,2 triệu USD sang thị trường Trung Quốc, tăng 17,6% về khối lượng và tăng 14,8% về giá trị so với tháng 4/2022; tăng 25,6% về khối lượng và tăng 35,1% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Lũy kế 5 tháng đầu năm 2022, khối lượng xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang thị trường này đạt 1,3 triệu

tân, trị giá 578,1 triệu USD, tăng 2,2% về khối lượng và tăng 18,0% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.

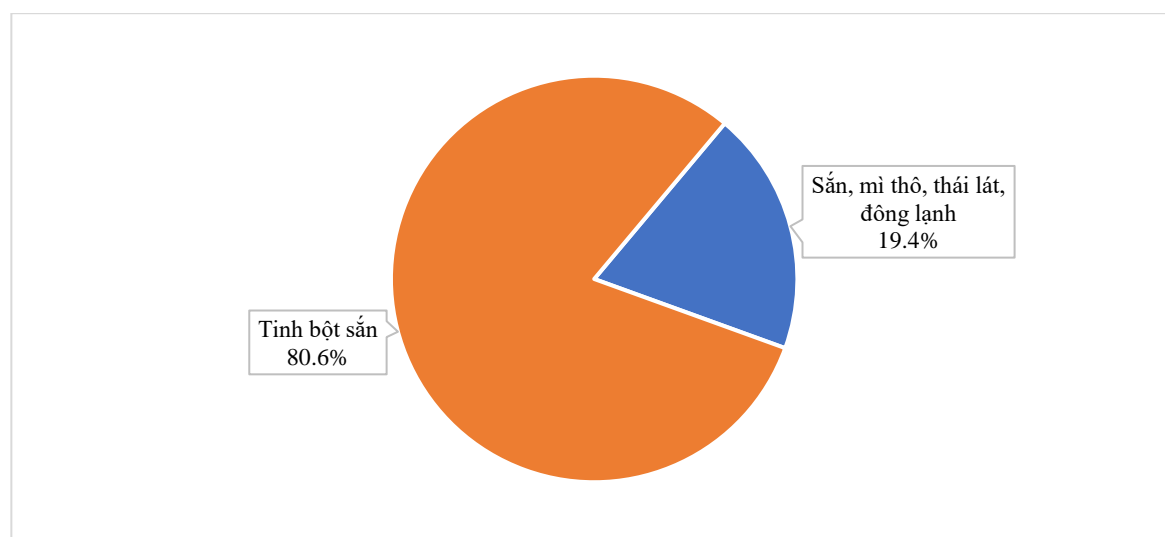
Hình 4: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản sang Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Trung Quốc chiếm 93,0% về khối lượng và 92,2% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 5 năm 2022. Trong đó, giá trị xuất khẩu tinh bột sắn đạt 84,8 triệu USD, chiếm 80,6% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, tăng 31,7% so với cùng kỳ năm 2021; sắn lát, đông lạnh đạt 20,4 triệu USD (chiếm 19,4%), tăng 51,2%.

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu sản sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

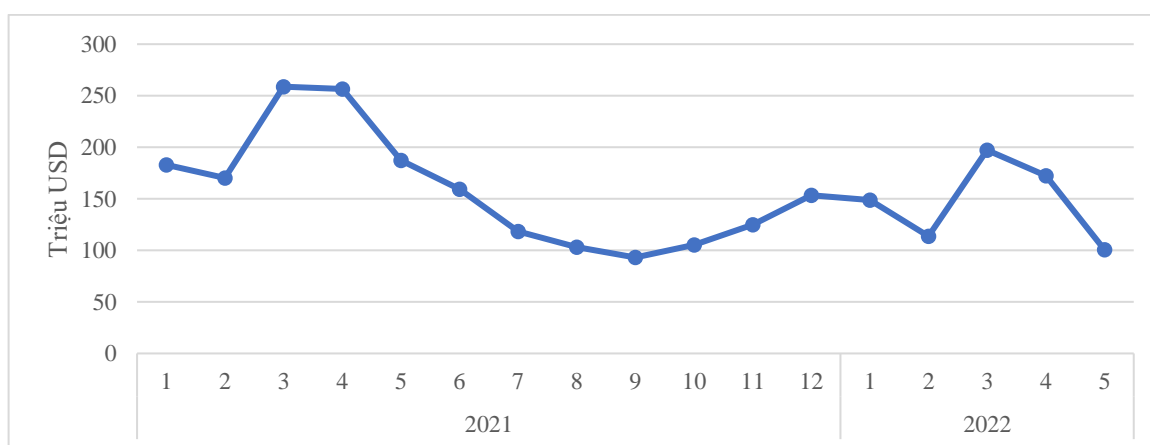
3. RAU QUẢ

Theo số liệu hải quan Trung Quốc, trong 4 tháng đầu năm 2022 Trung Quốc đã nhập khẩu 85.600 tấn sầu riêng tươi từ Thái Lan, trị giá 3,242 tỷ CNY (tương đương 488 tỷ USD), giảm 36,52% về khối lượng và giảm 33,24% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, giá nhập khẩu vẫn ổn định, đạt 37,88 CNY/kg (khoảng 5,7 USD/kg), tăng 5,16% so với cùng kỳ năm ngoái.

Ngày 16/6/2022, Tổng cục Hải quan Trung Quốc thông báo, mặt hàng chuối xanh của Myanmar ngay lập tức được phép nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc nếu đáp ứng các quy định liên quan trong Nghị định thư về yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với chuối Myanmar xuất khẩu sang Trung Quốc. Theo đó, chuối xanh phải được thu hoạch trong vòng 10-11 tuần sau khi ra hoa và bất kỳ loại chuối có màu vàng sẽ không được nhập khẩu vào Trung Quốc.

Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc tháng 5 năm 2022 đạt 100,6 triệu USD, chiếm 38,9% tổng giá trị xuất khẩu, giảm 41,7% so với tháng trước và giảm 46,3% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, giá trị xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc đạt 722,2 triệu USD (chiếm 50,6% thị phần), giảm 31,4% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 6: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Trung Quốc



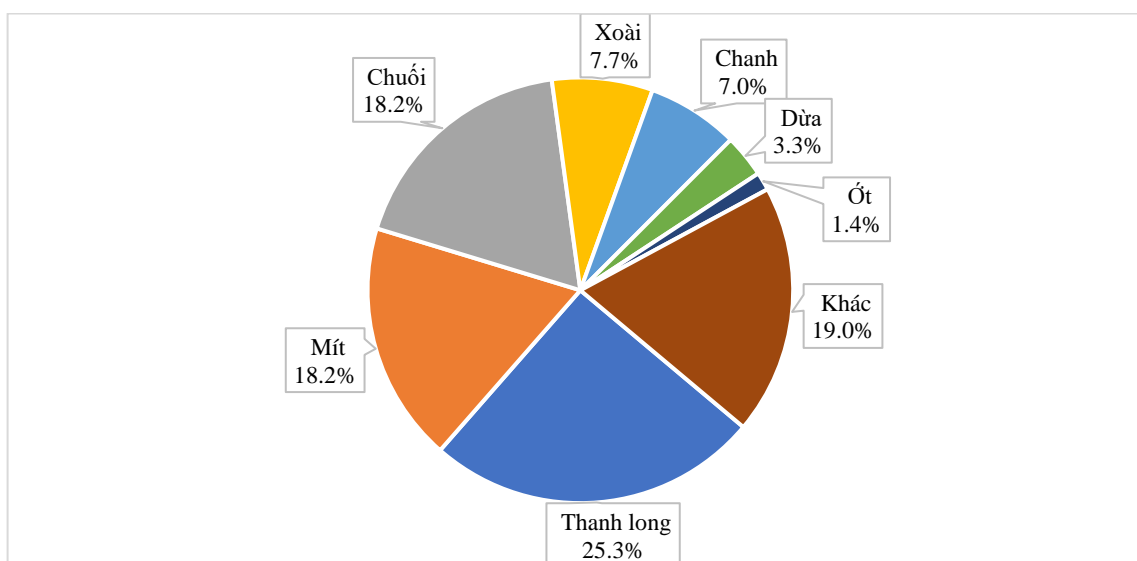
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 5 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 79,3 triệu USD (chiếm 78,8% thị phần, giảm 53,3% so với cùng kỳ năm 2021) và rau quả chế biến đạt 21,3 triệu USD (chiếm 21,2%), tăng 22,8%. So sánh với cùng kỳ năm 2021, nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 9,2 triệu USD, tăng 24,5%; trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS.2008) đạt 7,5 triệu USD, giảm 7,4%; mứt rau, quả (mã HS.2006) đạt 3,5 triệu

USD, tăng 256,8%; rau, quả muối chua (mã HS.2001) đạt 1,6 triệu USD, tăng 114,5%; v.v.

Trong tháng 5 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu cao nhất bao gồm: thanh long đạt 25,5 triệu USD (chiếm 25,3% tổng giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường này), giảm 72,8% so với cùng kỳ năm 2021; mít đạt 18,3 triệu USD (chiếm 18,2%), tăng 98,4%; chuối đạt 18,3 triệu USD (chiếm 18,2%), tăng 5,4%; xoài đạt 7,7 triệu USD (chiếm 7,7%), giảm 63,4%; chanh đạt 7,0 triệu USD (chiếm 7,0%), giảm 8,9%; dứa đạt 3,3 triệu USD (chiếm 3,3%), tăng 37,4%; v.v.

Hình 7: Cơ cấu các loại rau quả chính xuất khẩu sang Trung Quốc tháng 5/2022



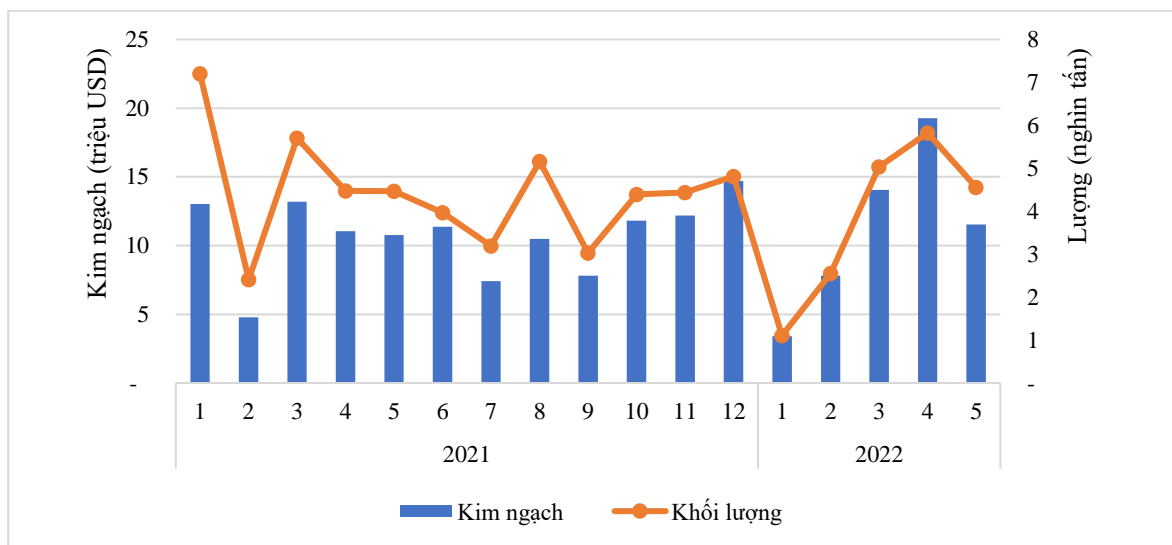
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Trung Quốc tháng 5 năm 2022 đạt 55,1 triệu USD, chiếm 32,2% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 95,3% so với cùng kỳ năm 2021. Tính chung 5 tháng đầu năm 2022, giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường này đạt 255,9 triệu USD, chiếm 35,4% tổng giá trị nhập khẩu, tăng 55,3% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 5/2022, các mặt hàng Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là: tỏi đạt 13,7 triệu USD (chiếm 22,5% tổng giá trị nhập khẩu), tăng 107,4% so với cùng kỳ năm trước; nấm các loại đạt 8,4 triệu USD (chiếm 13,8%), tăng 139,6%; táo đạt 5,6 triệu USD (chiếm 9,2%), tăng 182,3%; hành các loại đạt 2,8 triệu USD (chiếm 4,7%), tăng 90,5%; cà rốt đạt 2,5 triệu USD (chiếm 4,1%), tăng 243,0%; v.v.

4. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Trung Quốc trong tháng 05/2022 ước đạt 4,6 nghìn tấn với trị giá 11,5 triệu USD, giảm 21,8% về lượng và 40,2% về giá trị so với tháng trước, và tăng 1,9% về lượng và 7,0% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

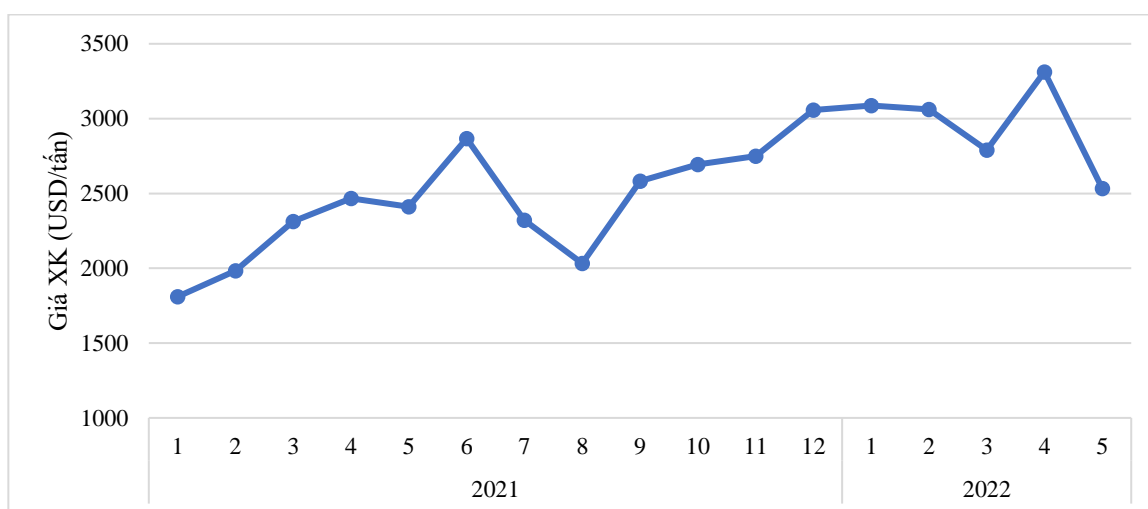
Hình 8: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 05/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc đạt 2.533 USD/tấn, giảm 23,5% so với tháng trước nhưng tăng 5,0% so với cùng kỳ năm trước.

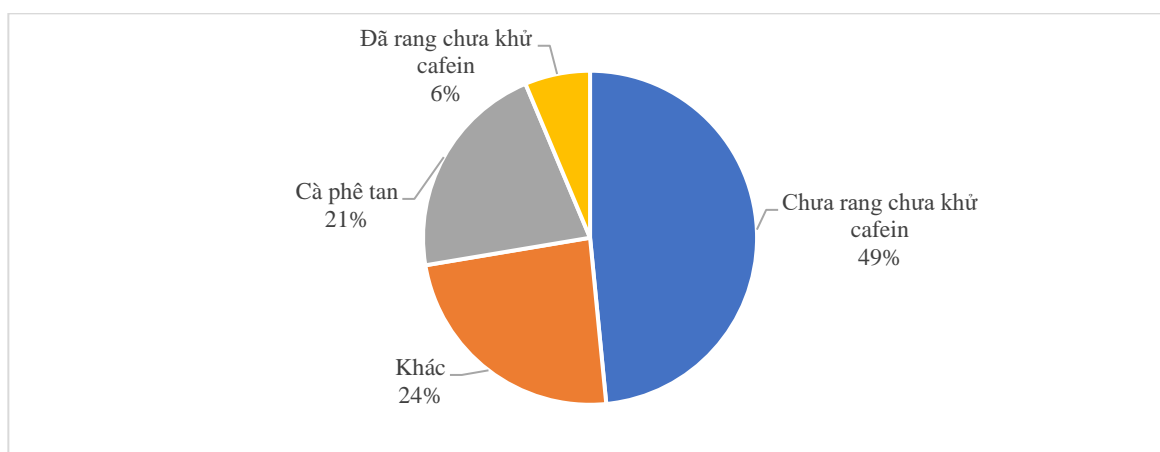
Hình 9: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 5,6 triệu USD, chiếm 48,4% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 2,5 triệu USD, chiếm 21,3% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê đã rang chưa khử cafein chiếm 6,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 10: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Trung Quốc theo kim ngạch tháng 05/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

5. CAO SU

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) dẫn số liệu thống kê của Cơ quan Hải quan Trung Quốc cho biết, trong 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu cao su (mã HS 4001, 4002, 4003, 4005) của Trung Quốc đạt 4,65 tỷ USD, tăng 9,5% so với cùng kỳ năm 2021. Thái Lan, Việt Nam, Malaysia, Nhật Bản và Hàn Quốc là 5 thị trường lớn nhất cung cấp cao su cho Trung Quốc.

Trong 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 2 cho Trung Quốc với 721,51 triệu USD, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cao su Việt Nam trong tổng trị giá nhập khẩu của Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2022 chiếm 15,5%, giảm so với mức 16,6% của 4 tháng đầu năm 2021.

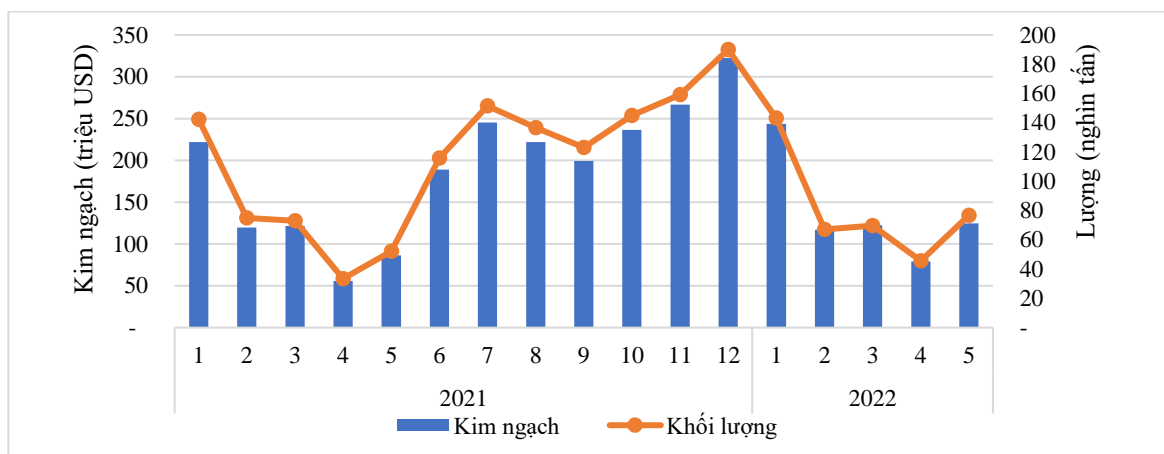
Về chủng loại, trong 4 tháng đầu năm 2022, kim ngạch nhập khẩu cao su tự nhiên (mã HS: 4001) của Trung Quốc đạt 1,5 tỷ USD, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2021, chủ yếu nhập khẩu từ các thị trường như: Thái Lan, Bồ Đào Nha, Malaysia, Lào, Indonesia, Myanmar và Việt Nam. Trong 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su tự nhiên lớn thứ 7 cho Trung Quốc với 70,65 triệu USD, giảm 14,1% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần cao su tự nhiên của Việt Nam chiếm 4,7% trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc, giảm so với mức 6,8% của 4 tháng đầu năm 2021.

Trong 4 tháng đầu năm 2022, Việt Nam là thị trường cung cấp hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp lớn thứ hai cho thị trường Trung Quốc với 645,41 triệu USD, tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2021. Thị phần hỗn hợp cao su tự nhiên và cao su tổng hợp của Việt Nam chiếm 34,5% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hỗn hợp cao su.

su tự nhiên và cao su tổng hợp của Trung Quốc, giảm so với mức 36,3% trong 4 tháng đầu năm 2021.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 05/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc ước đạt 76,8 nghìn tấn với trị giá 124,6 triệu USD, tăng 68,1% về khối lượng và 57,7% về giá trị so tháng trước, và tăng 46,9% về khối lượng và 44,5% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

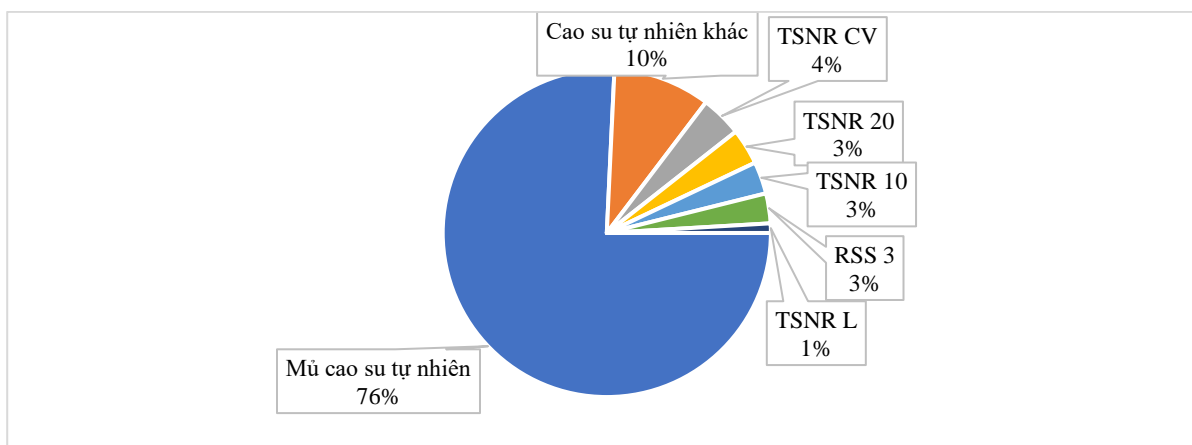
Hình 11: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2022, mũ cao su tự nhiên là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 17,7 triệu USD, chiếm 75,7% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là TSNR CV với kim ngạch 949,8 nghìn USD, chiếm 4,1% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 20 và cao su đã định chuẩn kỹ thuật TSNR 10 chiếm lần lượt 3,6% và 3,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

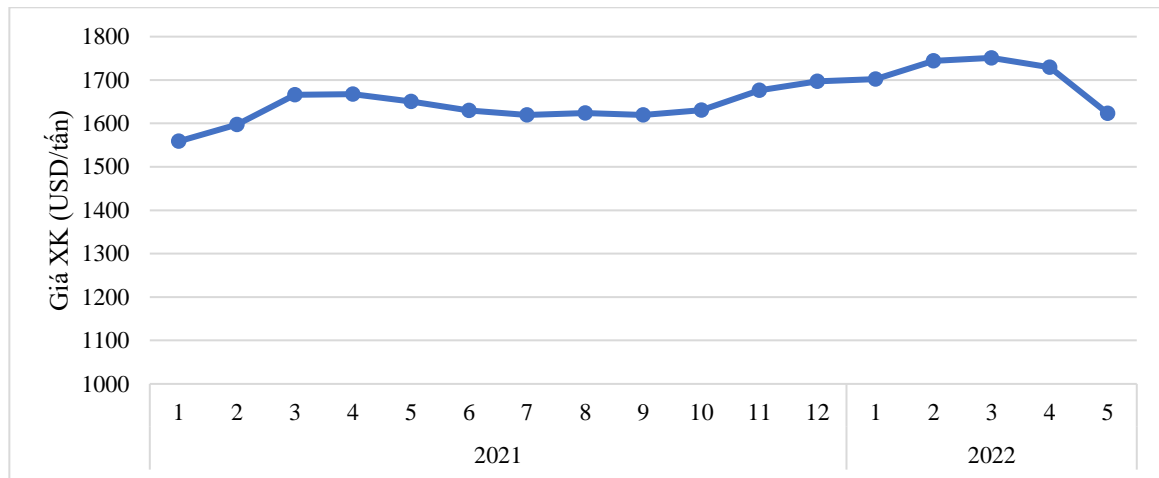
Hình 12: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 05/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 05/2022 đạt mức 1.623 USD/tấn, giảm 6,1% so với tháng trước và giảm 1,6% so với cùng kỳ 2021.

Hình 13: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

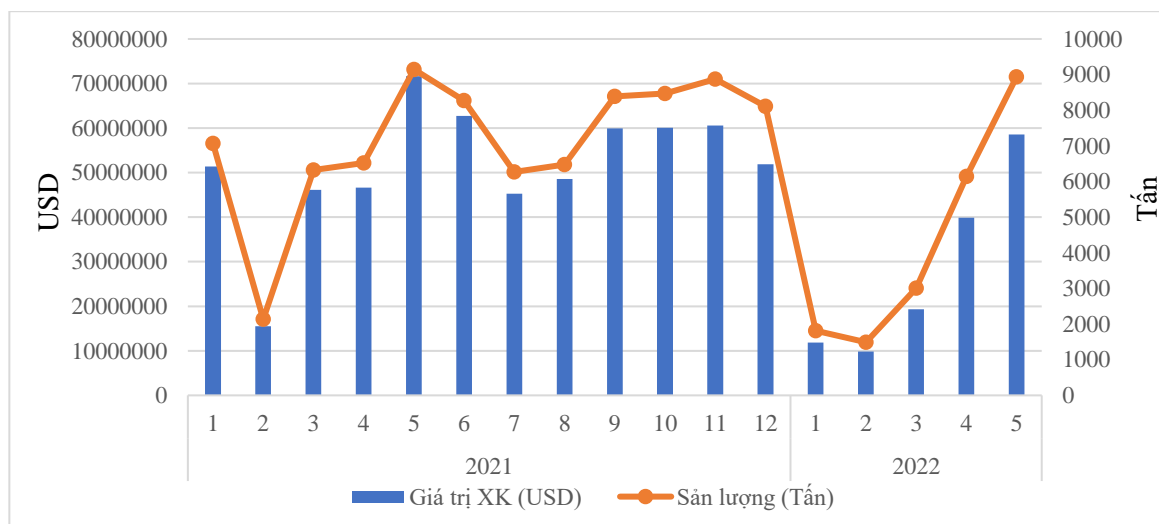


Nguồn: Tổng cục Hải quan

6. HẠT ĐIỀU

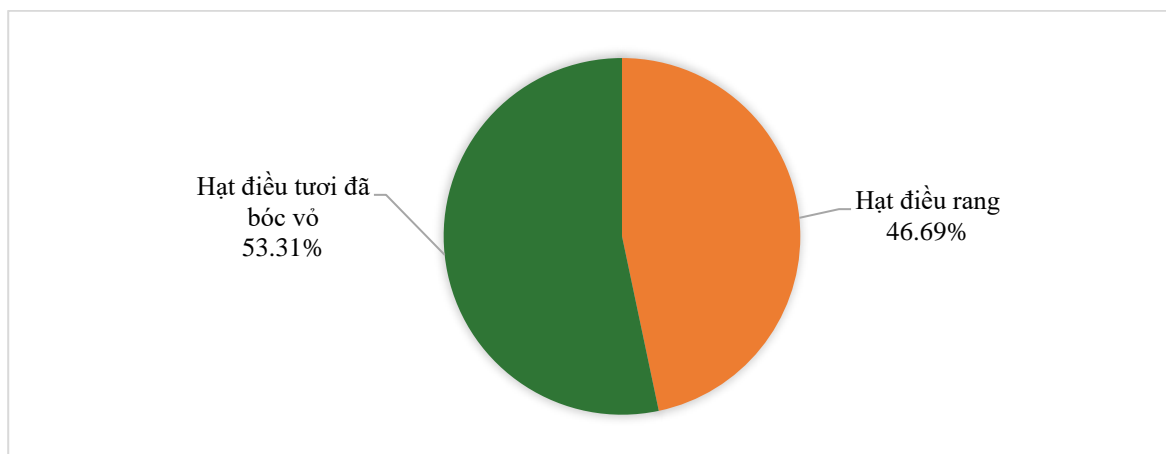
Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 5/2022, Việt Nam xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc đạt 8,9 nghìn tấn, trị giá 58,5 triệu USD, tăng 46,9% về khối lượng và 45,5% về giá trị so với tháng trước. Nhưng so với cùng kỳ năm trước, xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc lại giảm khoảng 2,3% về khối lượng và 18,3% về giá trị.

Hình 14: Khối lượng và giá trị xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc



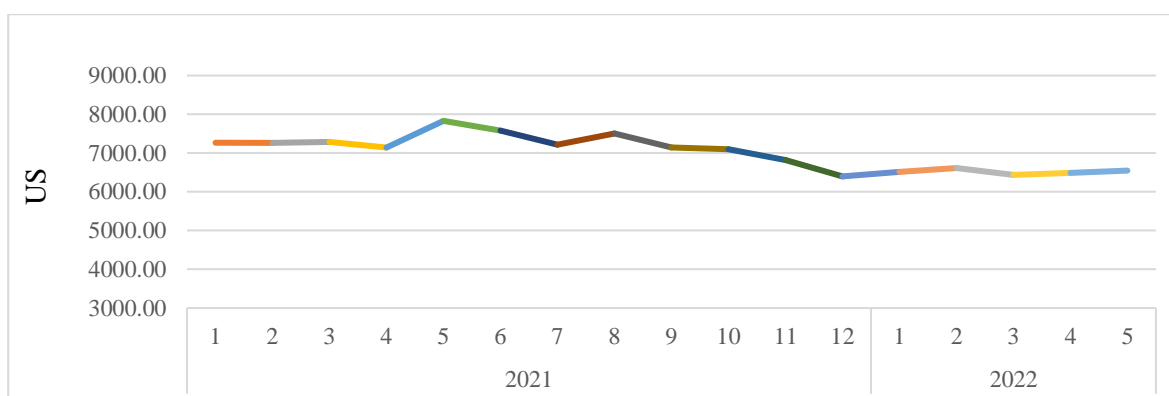
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Xuất khẩu điều tươi đã bóc vỏ vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất trong các sản phẩm điều xuất khẩu sang thị trường này, chiếm 53,31%; hạt điều rang chiếm 46,69%.

Hình 15: Cơ cấu giá trị hạt điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Giá xuất khẩu điều trung bình sang thị trường Trung Quốc tháng 5/2022 duy trì ổn định. Cụ thể, giá xuất khẩu điều bình quân sang thị trường này đạt 6.546 USD/tấn, tăng 0,9% so với tháng trước nhưng giảm 16,4% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 16. Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Trung Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá một số loại hạt điều cụ thể xuất khẩu sang thị trường này như sau: Hạt điều tươi đã bóc vỏ đạt 6 USD/kg giảm 29,3% so với cùng kỳ năm trước; điều rang đạt 6,7 USD/Kg, giảm 29,3% so với cùng kỳ năm trước.

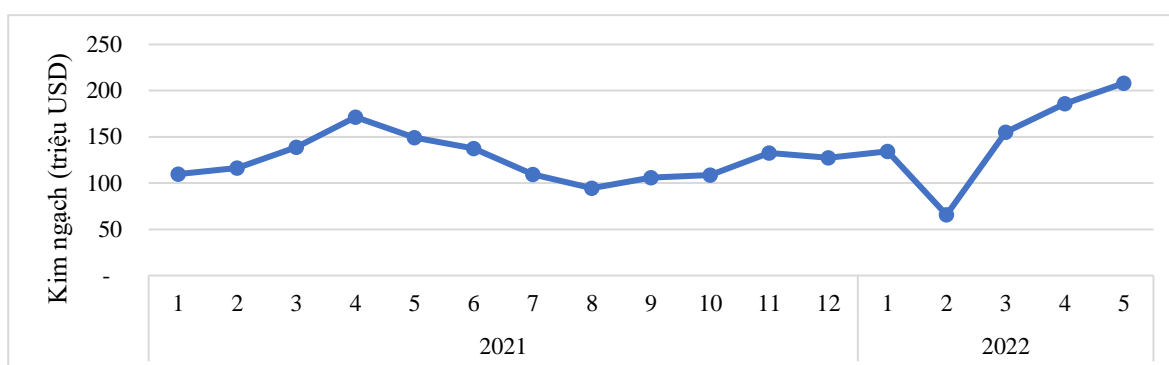
7. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo Cơ quan Hải quan Trung Quốc, trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ trong 4 tháng đầu năm 2022 đạt 275,3 triệu USD, giảm 15,8% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, EU là thị trường cung cấp lớn nhất đồ nội thất bằng gỗ cho Trung Quốc, với trị giá chiếm 80,3% tổng trị giá nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Trung Quốc, đạt 221,2 triệu USD, giảm 12,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Tiếp theo Trung Quốc nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ các thị trường trong khu vực Đông Nam Á, tuy nhiên trị giá nhập khẩu từ các thị trường này đều giảm mạnh. Dẫn đầu là Việt Nam đạt 18,4 triệu USD, giảm 34,1%; Thái Lan đạt 6,8 triệu USD, giảm 28,5%; Indonesia đạt 5,3 triệu USD, giảm 2,8%...

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 05/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc ước đạt 208,2 triệu USD, tăng 11,9% so với tháng trước và 39,4% so với cùng kỳ năm 2021.

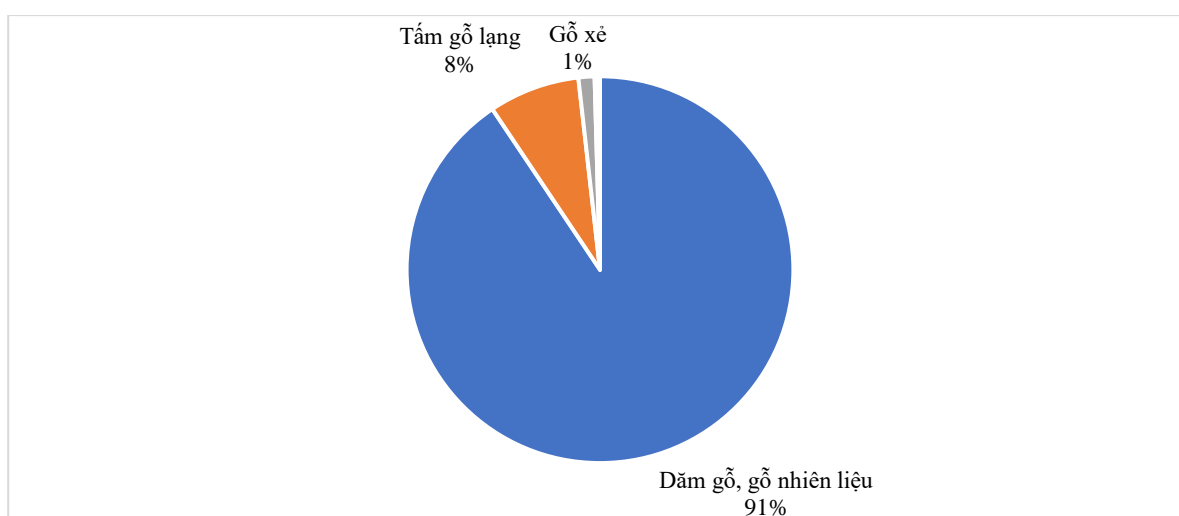
Hình 17: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 05/2022, dăm gỗ, gỗ nhiên liệu là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Trung Quốc đạt 171,9 triệu USD, chiếm 90,6% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là tấm gỗ lạng với kim ngạch 14,4 triệu USD, chiếm 7,6% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là gỗ xẻ và ván dăm, chiếm lần lượt 1,3% và 0,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Trung Quốc.

Hình 18: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo kim ngạch tháng 05/2022



Nguồn: Tổng cục Hải quan

8. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

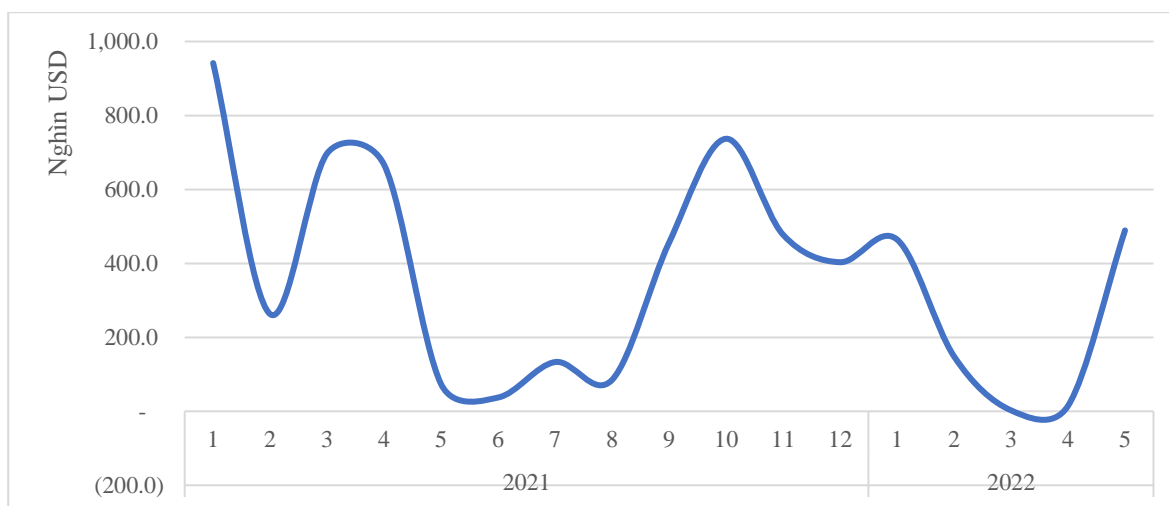
Theo Reuters, Trung Quốc công bố sản lượng thịt heo quý ở mức cao nhất hơn 3 năm vào quý I/2022, phản ánh sự gia tăng chăn nuôi sau sự sụt giảm mạnh do dịch bệnh. Dữ liệu từ Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc cho thấy quốc gia châu Á đã sản xuất 15,61 triệu tấn thịt heo. Đây là sản lượng hàng quý cao nhất kể từ quý cuối cùng của năm 2018. Trung Quốc đã giết mổ 195,66 triệu con heo trong giai đoạn này, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước đó. Sản lượng thịt heo của Trung Quốc đạt 52,96 triệu tấn vào năm ngoái, chỉ thấp hơn mức 53,4 triệu tấn được sản xuất trong năm 2017, nhờ sản lượng phục hồi nhanh chóng sau khi dịch ASF bùng phát và hoành hành ở nước này vào năm 2018 và 2019. Cũng theo Cục Thống kê, đàn heo của nước này giảm còn 422,53 triệu con vào cuối tháng 3, giảm so với mức 449,22 triệu con vào cuối tháng 12 năm ngoái.

Giá heo hơi trung bình tại Trung Quốc tiếp đà tăng trong nửa đầu tháng 5, nhưng sau đó chững lại cho tới cuối tháng. Theo đó, giá đã tăng 6% trong giai đoạn này lên khoảng 16 nhân dân tệ/kg.

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) cho biết nhập khẩu của Trung Quốc bị ảnh hưởng bởi hoạt động vận chuyển bị gián đoạn do lệnh phong tỏa kéo dài ở Thượng Hải. Nhu cầu đối với thịt heo nhập khẩu đã sụt giảm từ đầu năm 2022 đến nay do người chăn nuôi heo gia tăng sản lượng sau thời gian dài bị ảnh hưởng của ASF. Tháng 4, Trung Quốc nhập khẩu 140.000 tấn thịt heo, trị giá 271,37 triệu USD, giảm 67,6% về lượng và 77,2% về trị giá so với tháng 4/2021. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2022, Trung Quốc nhập khẩu 560.000 tấn thịt heo, trị giá 1,1 tỷ USD, giảm 64,8% về lượng và giảm 75% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong tháng 5/2022, Việt Nam không xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc. Mặc dù, chính sách zero – Covid của Trung Quốc đang được lỏng nong nhưng vẫn gây những ảnh hưởng tiêu cực đến các nước muốn xuất khẩu hàng hóa sang thị trường này. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ trong nước giảm và được dự báo vẫn thấp trong thời gian tới. Nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc sẽ vẫn yếu. Nếu thị trường cải thiện hơn trong quý III/2022, nhu cầu nhập khẩu thịt và ngũ cốc sẽ tăng lên. Theo Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, nhập khẩu thịt lợn của Trung Quốc trong năm nay được dự báo giảm gần 20% và đẩy thương mại toàn cầu xuống mức thấp hơn. Trong khi đó, nhu cầu của các nước nhập khẩu lớn khác có sự phục hồi sau thời gian gián đoạn nguồn cung cấp liên quan đến đại dịch.

Hình 19: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Trung Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong khi đó, về nhập khẩu, tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm thịt từ thị trường Trung Quốc của Việt Nam trong tháng 5/2022 vẫn tiếp tục giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước và đạt 489,2 nghìn USD, tăng 569,6% cùng kỳ năm 2021.

Ông Wang Zuli, nhà nghiên cứu tại Viện Kinh tế và Phát triển Nông nghiệp thuộc Học viện Khoa học Nông nghiệp Trung Quốc cho biết đàn heo nái của Trung Quốc dự kiến sẽ giảm trong ngắn hạn do tỷ suất lợi nhuận kém, mặc dù sự gia tăng gần đây của giá thịt heo sẽ hạn chế bất kỳ sự sụt giảm đáng kể nào. Nhập khẩu thịt heo của Trung Quốc sẽ vẫn yếu. Nếu thị trường cải thiện hơn trong quý III/2022, nhu cầu nhập khẩu thịt và ngũ cốc sẽ tăng lên. Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ, nhập khẩu thịt heo của Trung Quốc trong năm nay được dự báo giảm gần 20% và đẩy thương mại toàn cầu xuống mức thấp hơn. Trong khi đó, nhu cầu của các nước nhập khẩu lớn khác có sự phục hồi sau thời gian gián đoạn nguồn cung cấp liên quan đến đại dịch.

9. THỦY SẢN

Nhiều người nuôi tôm ở phía Nam chuyển sang nuôi tôm sú do đợt bùng phát dịch bệnh trên tôm đang diễn ra. Tại Đà Sơn, tỉnh Quảng Đông, 9 trong số 10 trại nuôi tôm chân trắng đã bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, dẫn tới gần 60% ao nuôi bị bỏ hoang. Tại Bắc Hải, tỉnh Quảng Tây, dịch bệnh cũng khiến người nuôi tôm không thể sản xuất được; Tại huyện Trạm Giang, “thủ phủ” nuôi tôm của Trung Quốc, nông dân thả nuôi 1 triệu con giống, nhưng chỉ tồn tại được 30.000 - 50.000 con. Dịch bệnh xuất hiện ngay sau khi người nuôi bắt đầu thả nuôi vào cuối tháng 3 và tháng 4/2022. Tại phòng cung cấp dịch vụ xét nghiệm Kerric, có 31% mẫu bị nhiễm vibrio, 24%

mẫu dương tính với EHP và 20% nhiễm virus SHIV. Do dịch bệnh trên tôm bùng phát, người nuôi đã chuyển từ nuôi tôm chân trắng sang tôm sú. Ở tỉnh Hải Nam, 80% người nuôi tôm đã chuyển sang nuôi tôm sú; Tại Phúc Kiến, khoảng 60% người nuôi tôm chuyển sang nuôi tôm sú.

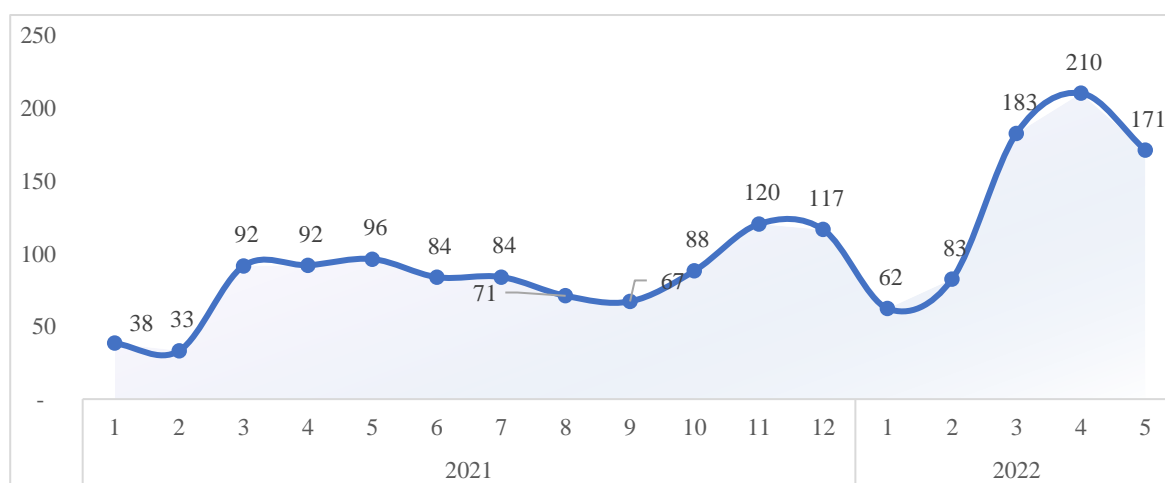
Nhập khẩu tôm nước ấm đông lạnh của Trung Quốc giảm xuống mức thấp nhất trong 6 tháng do các biện pháp phong tỏa phòng Covid-19 ở Thượng Hải và các địa phương khác của nước này làm ảnh hưởng tới nhu cầu. Trung Quốc nhập khẩu 50.000 tấn tôm nước ấm đông lạnh trong tháng 4/2022, giảm 18% so với tháng 3 và đạt mức thấp nhất kể từ tháng 9/2021 khi mà Trung Quốc NK 45.000 tấn. Giá trị nhập khẩu giảm 16% so với tháng trước đó, xuống còn 326 triệu USD trong tháng 4 năm nay mặc dù giá trị mặc dù giá trị vẫn cao hơn so với tháng 2 năm nay do giá cao hơn. Giá trung bình nhập khẩu đạt 6,56 USD/kg, tăng 19% so với tháng 3/2021.

Hai nguồn cung tôm lớn nhất cho Trung Quốc – Ecuador và Ấn Độ - đều có những lô hàng bị giới chức Trung Quốc từ chối trong tháng 4 do có dấu vết của coronavirus trên bao bì sản phẩm. Nhập khẩu tôm từ Ecuador vào Trung Quốc giảm 28% so với tháng 4 đạt 32.000 tấn. Nhập khẩu từ Ấn Độ giảm 30% xuống còn 5.400 tấn.

Theo Tổng cục Hải quan, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 5/2022 đạt 171,3 triệu USD, tăng 77,8% so với cùng kỳ năm trước, và giảm 18,6% so với tháng 4/2022, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm sang thị trường này đạt 709,5 triệu USD tăng 101,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Hình 20. Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc

ĐVT: Triệu USD

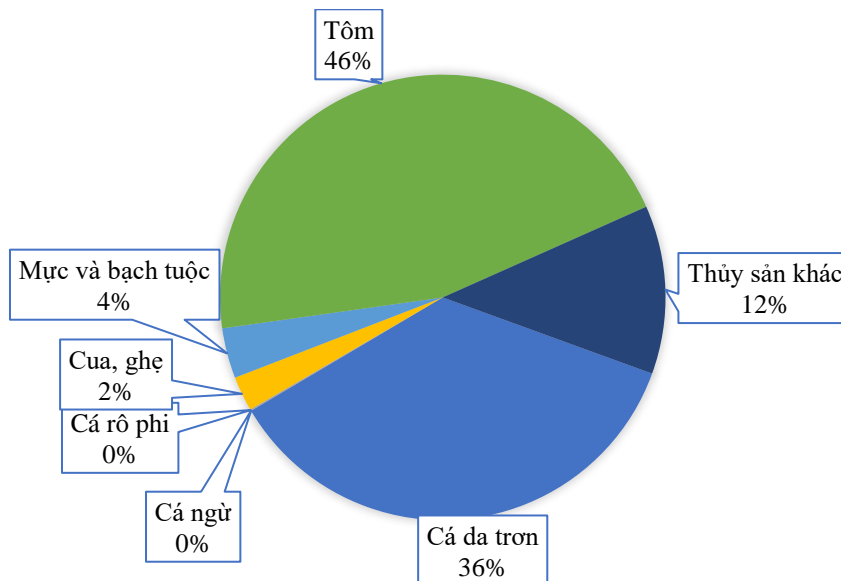


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 5/2022, cá da trơn và tôm vẫn là 2 mặt hàng xuất khẩu chính trong tháng này: tôm chiếm 45,6%; Cá da trơn chiếm 35,9%. Xuất khẩu thủy sản sang thị trường

này có xu hướng giảm nhẹ so với tháng trước do các mặt hàng xuất khẩu sang thị trường này chịu ảnh hưởng mạnh do chính sách Zero Covid của Trung Quốc.

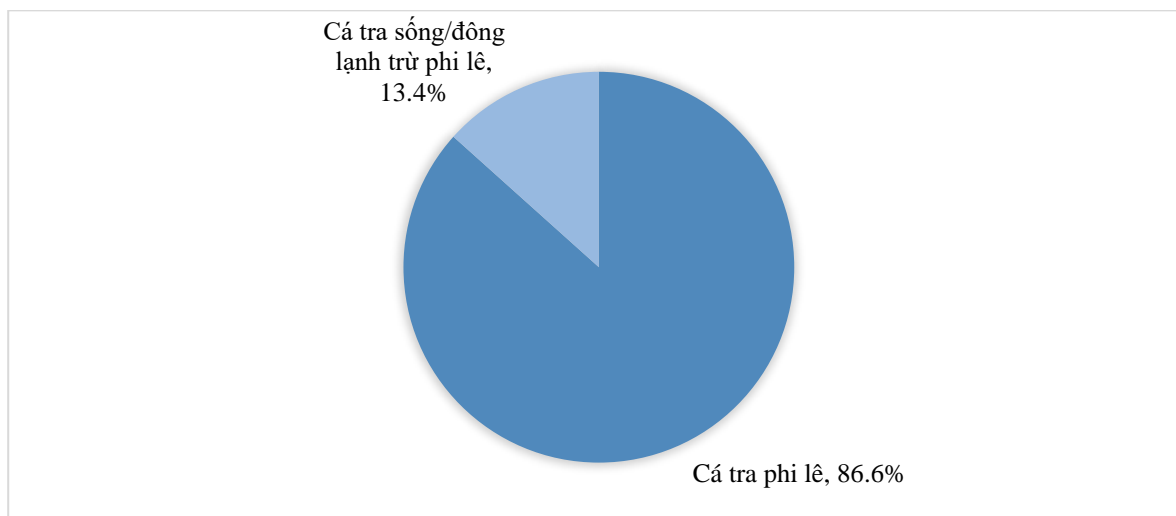
Hình 21. Cơ cấu mặt hàng thủy sản xuất khẩu tháng 4/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Xuất khẩu cá da trơn sang thị trường này có xu hướng giảm nhiệt, giảm 42,1% so với tháng trước nhưng vẫn tăng 47,1% so với cùng kỳ năm 2021. Giá trị xuất khẩu cá da trơn trong tháng này, đạt 61,6 triệu USD, chiếm 35,9% tổng giá trị thủy sản xuất khẩu sang thị trường này. Trong đó, cá tra phi lê chiếm tới 86,6%, đạt 53,3 triệu USD, tăng 67,8% so với cùng kỳ năm trước và giảm 44,7% so với tháng trước; cá tra sống/đông lạnh trừ phi lê chiếm 13,4%, đạt 8,2 triệu USD, giảm 18,3% so với năm 2021 và 16,6% với tháng 4/2022.

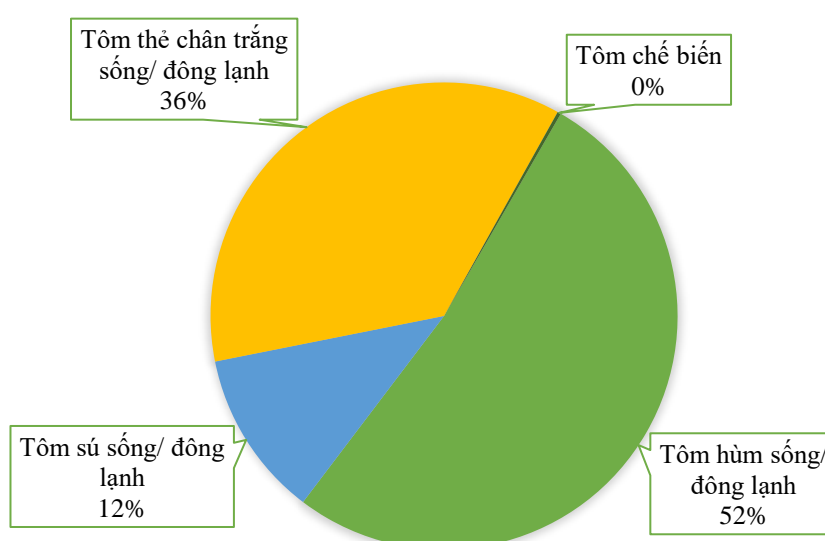
Hình 22. Cơ cấu xuất khẩu cá tra sang thị trường Trung Quốc tháng 5/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu Hải quan

Tháng 5/2022, giá trị xuất khẩu tôm sang thị trường này tiếp tục đà tăng trưởng từ tháng trước đạt 78 triệu USD, tăng 152,9% so với cùng kỳ năm 2021 và 3,4% so với tháng trước. Xuất khẩu tôm sang thị trường này vẫn giữ được giá trị tăng trưởng cao do nguồn cung tôm xuất khẩu từ các nước cạnh tranh chính với Việt Nam ở thị trường này là Ecuador và Ấn Độ đều có xu hướng giảm. Tháng 5/2022, tôm hùm là sản phẩm có tốc độ tăng trưởng cao nhất tăng 163 lần so với năm trước đạt 40,2 triệu USD, chiếm 51,5% tổng giá trị sản phẩm tôm xuất khẩu sang Trung Quốc. Giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng đạt 28 triệu USD, chiếm 35,9% và tăng 51,9%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 8,9 triệu USD, chiếm 11,4%, giảm 7,5%; tôm chế biến đạt 0,2 triệu USD, chiếm 0,2% và giảm 92,4%.

Hình 23. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Trung Quốc tháng 5/2022



Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

Một số loại thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường này tháng 5/2022 như sau: Mực và bạch tuộc đạt 6,2 triệu USD, chiếm 3,6% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc và tăng 71,9% so với cùng kỳ năm trước; cua – ghẹ đạt 4,3 triệu, chiếm 2,5%, tăng 9,9%; thủy sản khác đạt 20,9 triệu USD, chiếm 12,2%, tăng 34,5%.

Về giá bình quân xuất khẩu một số mặt hàng thủy sản sang thị trường này tháng 5/2022 như sau: cá da trơn đạt 2,4 USD/kg, tăng 37,7% so với cùng kỳ năm trước và giảm 1,8% so với tháng 4/2022. Tôm đạt 12,3 USD/kg, tăng 69,7% so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 15,4% so với tháng trước. Cụ thể:

Bảng 1. Giá xuất khẩu trung bình một số sản phẩm thủy sản tháng 5/2022

| TT | Sản phẩm | Giá (USD) | So năm trước (%) | So tháng trước (%) |
|----|------------------|-----------|------------------|--------------------|
| 1 | Cá da trơn | 2,4 | 37,7% | -1,8% |
| 2 | Cua, ghẹ | 2,4 | 20,1% | 5,8% |
| 3 | Mực và bạch tuộc | 9,3 | 46,1% | -0,3% |
| 4 | Tôm | 2,5 | 8,0% | 6,4% |

Nguồn: Tính toán từ số liệu hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Cà phê

Tiêu thụ cà phê ở Trung Quốc đang tăng nhanh. Thị trường cà phê của quốc gia này được định giá 381,7 tỷ nhân dân tệ (57 tỷ USD) vào năm 2021 và dự kiến sẽ tăng lên 1 nghìn tỷ nhân dân tệ vào năm 2025, theo iiMedia Research, một cơ quan khai thác và phân tích dữ liệu có trụ sở tại Quảng Châu, tỉnh Quảng Đông. Do đó, nhu cầu nhập khẩu cà phê của Trung Quốc trong thời gian tới sẽ tiếp tục tăng.

2. Hạt điều

Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong tháng 4/2022, Trung Quốc chi 21,56 triệu USD nhập khẩu hạt điều, tăng 112,6% so với tháng 4/2021. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu hạt điều của Trung Quốc đạt 55,45 triệu USD, tăng 42,5% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, Việt Nam đứng vị trí đầu tiên cung cấp hạt điều cho thị trường Trung Quốc. Trong tháng 4/2022, xuất khẩu hạt điều Việt Nam sang Trung Quốc đạt 19,71 triệu USD, tăng 96,2% so với tháng 4/2021. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2022, xuất khẩu hạt điều Việt Nam sang Trung Quốc đạt 45,57 triệu USD, tăng 21,3% so với cùng kỳ năm 2021. Xuất khẩu hạt điều Việt Nam trong 4 tháng đầu năm 2022, chiếm 82,16% trong tổng kim ngạch nhập khẩu hạt điều của Trung Quốc, giảm 14,36% so với cùng kỳ năm 2021.

Trung Quốc giảm nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam, trong khi đó nước này tăng nhập khẩu hạt điều từ Myanmar, trong tháng 4/2022, kim ngạch nhập khẩu đạt 1,72 triệu USD, lũy kế 4 tháng đầu năm 2022 đạt 7,99 triệu USD. Thị phần hạt điều của Myanmar chiếm 14,41% tổng kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm nay. Như vậy có thể thấy, ngành hạt điều Việt Nam đang chịu sự cạnh tranh khá gay gắt từ Myanmar tại thị trường Trung Quốc.

3. Rau quả

Theo đại diện Hiệp hội Rau quả Việt Nam, trong thời gian qua, các mặt hàng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc đều có dấu hiệu giảm, riêng mặt hàng chuối có bước phát triển vượt bậc. Trong 5/2022, Trung Quốc nhập khẩu 742.000 tấn chuối, tăng 10% so với cùng kỳ, trong đó chuối Việt Nam chiếm 43%. Trong thời gian tới Trung Quốc sẽ gia tăng nhập khẩu chuối Việt Nam. Để gia tăng thị phần nhập khẩu của thị trường này, các mặt hàng Việt Nam cần cải thiện chất lượng. Trong bối cảnh nếu Trung Quốc gỡ bỏ chính sách “Zero COVID”, Việt Nam sẽ có khả năng cạnh tranh rất tốt ngay cả với các nước trong khu vực.

Theo Lãnh đạo Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản (Bộ Nông nghiệp và PTNT) nhận định, cặc dù phía Trung Quốc đã cho thông quan trở lại tại một số cửa khẩu, tuy nhiên hiệu suất thông quan tại các cửa khẩu rất chậm, chưa thực sự cải thiện nhiều. Cùng với đó, phía Trung Quốc vẫn kiểm soát chặt chẽ quy trình thông quan nhằm phòng chống dịch bệnh, vì vậy hoạt động xuất khẩu hàng rau quả của Việt Nam sang thị trường này còn hạn chế. Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các địa phương cần rà soát kỹ thời vụ, sản lượng của từng nhóm sản phẩm trái cây cụ thể, thời điểm thu hoạch để xây dựng phương án tiêu thụ phù hợp. Về phía Hiệp hội Rau quả Việt Nam, cần tăng cường thông tin, trao đổi giữa các doanh nghiệp trong hiệp hội và đối tác nước ngoài để kịp thời nắm bắt những khó khăn, cùng nhau bàn giải pháp tháo gỡ kịp thời. Hiệp hội Rau quả Việt Nam cần lưu ý các doanh nghiệp để có cách phối hợp phù hợp hơn. Đồng thời nên sớm trao đổi với Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam, bàn những giải pháp cụ thể về đường đi, giá cả, chia sẻ chi phí vận chuyển... để sẵn sàng trong mọi tình huống.

4. Cao su

Mỗi tháng Trung Quốc tiêu thụ khoảng 500.000 tấn cao su tự nhiên, trong khi nguồn cung nội địa chỉ đáp ứng được khoảng 115.000 tấn. Do vậy, nhu cầu nhập khẩu cao su của Trung Quốc khá lớn. Tuy nhiên, tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng do chính sách “Zero Covid” của Trung Quốc sẽ ảnh hưởng đến tiêu thụ cao su của Trung Quốc trong năm 2022.

5. Sắn và các sản phẩm từ sắn

Theo đánh giá của đại diện Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương), đầu tháng 6/2022, giá củ sắn tươi tại các vùng ổn định, giá tinh bột sắn thành phẩm tại cả 3 miền có xu hướng tăng trở lại. Tốc độ giao hàng tinh bột sắn qua các cửa khẩu biên giới phía Bắc được đẩy nhanh hơn nhờ các cửa khẩu được mở cửa trở lại. Dự báo thời gian tới xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn sẽ tiếp tục tăng nhờ nhu cầu của Trung Quốc vẫn cao. Ngoài sản xuất ethanol, Trung Quốc tăng cường nhập khẩu sắn lát và tinh bột sắn để làm thức ăn chăn nuôi trong bối cảnh giá thức ăn chăn nuôi tăng cao do bị ảnh hưởng bởi xung đột giữa Nga và Ukraina. Tuy nhiên, tại thị trường Trung Quốc, sắn và tinh bột sắn của Việt Nam đang phải cạnh tranh mạnh với sắn và tinh bột sắn của Thái Lan, Lào và Campuchia. Ngoài ra, thị trường Trung Quốc hay thay đổi về chính sách xuất nhập khẩu gây ảnh hưởng không nhỏ tới doanh nghiệp xuất khẩu nông sản của Việt Nam trong đó có ngành sắn.

6. Gõ và các sản phẩm từ gỗ

Việt Nam duy trì thặng dư thương mại gỗ với Trung Quốc nhưng có một thực tế đáng lưu ý là, nhập khẩu gỗ từ Trung Quốc của Việt Nam tăng nhanh hơn xuất

khẩu gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc. Thặng dư thương mại chủ yếu đến từ dăm gỗ.

Để xuất khẩu gỗ của Việt Nam sang Trung Quốc phát triển bền vững, các doanh nghiệp Việt Nam cần đáp ứng 8 điểm khi xuất khẩu gỗ sang Trung Quốc, là: Giấy chứng nhận CITES, giấy chứng nhận xuất xứ (CO), giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật xuất khẩu, vận đơn, hợp đồng, hóa đơn, danh sách đóng gói, lô hàng đường biển.

7. Thủy sản

Tôm nuôi ở miền nam Trung Quốc bùng phát dịch bệnh nghiêm trọng gây ảnh hưởng đến lượng cung tôm thẻ chân trắng trong nước ở quốc gia này. Bên cạnh đó, các quốc gia cạnh tranh nhập khẩu sản phẩm tôm trực tiếp với Việt Nam ở thị trường Trung Quốc như Ấn Độ, Ecuador đang có xu hướng giảm xuất khẩu và chuyển sang thị trường Hoa Kỳ. Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản cần chú ý những nội dung trên để tăng thị phần xuất khẩu tôm của Việt Nam đặc biệt là tôm thẻ chân trắng ở thị trường này.

PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tháng 5/2022

| Sản phẩm | Tháng 5.2022 (USD) | Tăng/giảm so T4/2022 | Tăng/giảm so T5/2021 | Tỷ trọng (%) |
|---------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------|
| Tổng XK NLTS | 868.078.147 | -4,7% | 9,0% | 100,0% |
| Cà phê | 11.531.913 | -40,2% | 7,0% | 1,3% |
| Cao su | 124.580.350 | 57,7% | 44,5% | 14,4% |
| Chè | 1.686.579 | 195,6% | 15,0% | 0,2% |
| Gạo | 47.952.977 | -25,5% | -18,5% | 5,5% |
| Gỗ và SP Gỗ | 208.174.400 | 11,9% | 39,4% | 24,0% |
| Rau quả | 100.553.150 | -41,7% | -46,3% | 11,6% |
| Hàng thủy sản | 171.289.256 | -18,6% | 78,6% | 19,7% |
| Hạt điều | 58.528.889 | 46,9% | -18,3% | 6,7% |
| Mây tre đan | 912.594 | -7,2% | 1,6% | 0,1% |
| Sắt & SP sắt | 105.195.413 | 14,8% | 35,1% | 12,1% |
| TÀGS & NL | 37.672.626 | -16,6% | -31,7% | 4,3% |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Trung Quốc tháng 5/2022

| Loại sản phẩm | Tháng 5/2021 | | Tháng 5/2022 | | So sánh 2022/2021 (%) | |
|----------------------|------------------------|---------------|------------------------|------------------|-----------------------|---------|
| | Khối lượng (tấn) | Giá trị (USD) | Khối lượng (tấn) | Giá trị (USD) | Khối lượng | Giá trị |
| Gạo thơm | 19.976 | 12.970.782 | 39.749 | 23.378.062 | 99,0% | 80,2% |
| Gạo nếp | 83.896 | 40.053.016 | 47.612 | 22.129.659 | -43,2% | -44,7% |
| Gạo Japonica | 2.929 | 1.650.660 | 2.794 | 1.622.256 | -4,6% | -1,7% |
| Các loại gạo khác | 6.816 | 4.102.109 | 1.020 | 557.000 | -85,0% | -86,4% |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê chính sang Trung Quốc tháng 5/2022

| Mặt hàng | T05/2021 (USD) | T05/2022 (USD) | So sánh 2022/2021 |
|---------------------------|-------------------|-------------------|----------------------|
| Tổng | 10.776.322 | 11.528.270 | 7,91% |
| Chưa rang chưa khử cafein | 4.837.524 | 5.633.829 | 16,46% |
| Khác | 3.864.105 | 2.780.785 | -28,04% |
| Cà phê tan | 1.868.617 | 2.478.450 | 32,64% |
| Đã rang chưa khử cafein | 204.268 | 735.206 | 259,92% |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Trung Quốc tháng 5/2022

| Sản phẩm | T5/2021 (USD) | T5/2022 (USD) | So sánh T5.2022/T5.2021 |
|------------------------|--------------------|--------------------|----------------------------|
| Tổng giá trị XK | 187.184.864 | 100.553.150 | -46,3% |
| Thanh long | 93.686.484 | 25.482.621 | -72,8% |
| Mít | 17.396.217 | 18.341.405 | 5,4% |
| Chuối | 23.860.225 | 18.253.101 | -23,5% |
| Xoài | 21.040.579 | 7.705.992 | -63,4% |
| Chanh | 7.701.966 | 7.019.074 | -8,9% |
| Dừa | 2.385.530 | 3.278.763 | 37,4% |
| Ốt | 3.280.137 | 1.381.238 | -57,9% |
| Vải | 5.781.073 | 1.106.042 | -80,9% |
| Sầu riêng | - | 559.404 | |
| Nhãn | 89.735 | 517.570 | 476,8% |
| Măng cụt | 36.074 | 3.415 | -90,5% |
| Dưa hấu | 3.077.744 | - | -100,0% |
| Khác | 8.849.101 | 16.904.525 | 91,0% |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Xuất khẩu sản phẩm sắn và sản phẩm sắn sang thị trường Trung Quốc tháng 5/2022

| Sản phẩm | T5.2021 (USD) | T5.2022 (USD) | So sánh T5.2022/T5.2021 |
|----------------------------------|-------------------|--------------------|----------------------------|
| Tổng giá trị XK | 77.866.198 | 105.195.413 | 35,1% |
| Tinh bột sắn | 64.352.436 | 84.768.395 | 31,7% |
| Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh | 13.513.762 | 20.427.018 | 51,2% |

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Trung Quốc tháng 5/2022

| Loại sản phẩm | Tháng 5/2022 (USD) | Tháng 5/2021 (USD) | So sánh 2022/21 (%) |
|------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| Cá da trơn | 61.571.276,9 | 41.870.285,9 | 47,1% |
| Cua, ghe | 4.321.226,2 | 3.930.634,0 | 9,9% |
| Mực và bạch tuộc | 6.241.743,5 | 3.631.985,0 | 71,9% |
| Tôm | 78.024.663,7 | 30.853.265,0 | 152,9% |
| Thủy sản khác | 21.130.345,6 | 15.571.549,1 | 35,7% |
| Tổng | 171.289.256,0 | 96.357.139,5 | 77,8% |

Nguồn: Tổng cục Hải quan